

Nhà nay, sự phát triển của hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế đã và đang ngày càng khẳng định vai trò của hợp đồng mua bán hàng hóa có yếu tố nước ngoài. Tại VN, khi các hoạt động xuất nhập khẩu ngày càng trở nên tập nập, cùng với sự kiện VN chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại Quốc tế

Xác định luật áp dụng trong hợp đồng mua bán hàng hóa có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam- Một số vấn đề lý luận và thực tiễn

BÀNH QUỐC TUẤN*

(WTO), các quan hệ phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa có yếu tố nước ngoài ngày càng trở nên đa dạng và phức tạp. Sự khác nhau về môi trường kinh doanh, phong tục tập quán và khoảng cách địa lý đã làm cho các bên tham gia ký kết hợp đồng thường gặp khó khăn trong việc tìm hiểu hệ thống pháp luật của phía đối tác. Từ đó, việc xác định luật áp dụng cho hợp đồng cũng như để bảo vệ lợi ích của doanh nghiệp VN khi giải quyết các tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tất yếu sẽ gặp nhiều khó khăn. Pháp luật là một trong những yếu tố quan trọng nhất để đưa nền kinh tế VN hội nhập ngày càng sâu hơn vào hoạt động kinh tế thế giới. Chính vì vậy, để góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh

nh nghiệp VN cũng như góp phần đưa hệ thống pháp luật VN tiến gần hơn các chuẩn mực pháp lý chung của quốc tế, việc tìm hiểu vấn đề xác định luật áp dụng trong hợp đồng mua bán hàng hóa có yếu tố nước ngoài là một điều cần

thiết.

1. Sự cần thiết của việc xác định luật

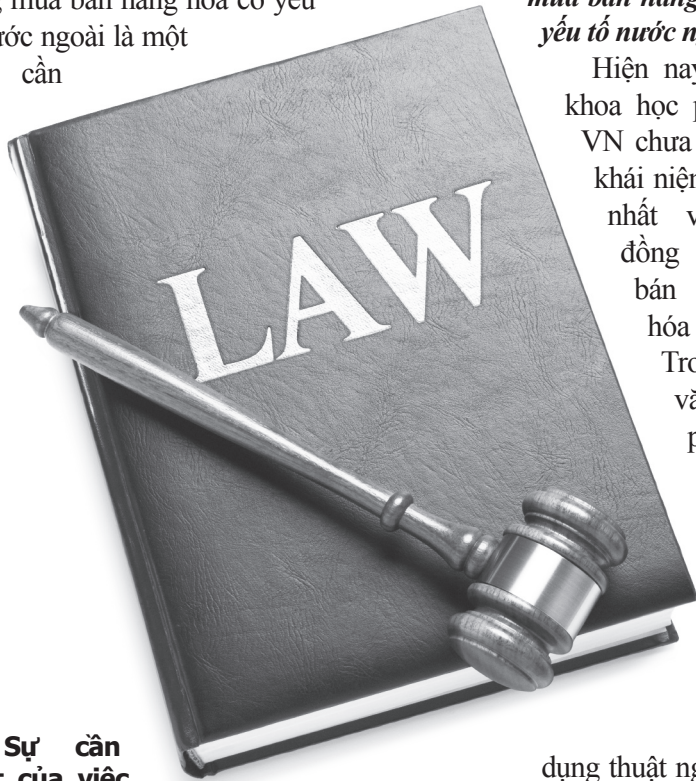
Về nguyên tắc, hợp đồng mua bán hàng hóa có yếu tố nước ngoài, còn gọi là hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, có nội dung tương tự như hợp đồng mua bán hàng hóa trong nước. Điểm khác biệt cơ bản của 2 loại hợp đồng này chính là sự xuất hiện của yếu tố nước ngoài trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế. Vì vậy, việc xác định “tính quốc tế” trong hợp đồng mua bán hàng hóa có yếu tố nước ngoài là điều cần thiết. Điều này không chỉ có ý nghĩa về mặt lý luận mà còn có ý nghĩa quan trọng về mặt pháp lý. Bởi vì nếu là hợp đồng nội địa sẽ hoàn toàn do pháp luật trong nước điều chỉnh, còn nếu là hợp đồng quốc tế thì sẽ liên quan đến

nhiều hệ thống pháp luật khác nhau có liên quan và khi đó vấn đề lựa chọn pháp luật áp dụng sẽ đặt ra như là một yêu cầu bắt buộc.

1.1 Khái niệm hợp đồng mua bán hàng hóa có yếu tố nước ngoài

Hiện nay, trong khoa học pháp lý VN chưa có một khái niệm thống nhất về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế. Trong các văn bản pháp luật của VN chưa sử

dụng thuật ngữ “hợp đồng mua bán hàng hóa với thương nhân nước ngoài”. Dưới góc độ pháp lý, hai thuật ngữ “Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế” và “Hợp đồng mua bán hàng hóa với thương nhân nước ngoài” đều cùng có điểm chung là có sự tham gia của chủ thể nước ngoài. Do đó, một trong những tiêu chí thường được sử dụng để xác định “tính quốc tế” của hợp đồng mua bán hàng hóa là quốc tịch của chủ thể tham gia quan hệ hợp đồng mua bán đó. Khi chủ thể tham gia hợp đồng mua bán hàng hóa có quốc tịch khác nhau thì đó là hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế. Nhiều nước, trong đó có VN, áp dụng tiêu chí này. Bên cạnh đó, pháp luật một số nước khác lại xác định tính quốc





tế của hợp đồng mua bán hàng hóa theo tiêu chí lãnh thổ. Theo đó, hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế là hợp đồng được ký kết bởi các chủ thể có trụ sở nằm trên lãnh thổ các quốc gia khác nhau. Tiêu chí này được nhiều điều ước quốc tế có liên quan đến hợp đồng mua bán quốc tế ghi nhận. Ví dụ: Công ước Viên 1980 về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, Công ước Lahay 1986 về luật áp dụng cho hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế được xây dựng trong phạm vi UNCITRAL,

...

1.2 Tại sao phải xác định luật áp dụng trong hợp đồng mua bán hàng hóa có yếu tố nước ngoài

Mặc dù tiêu chí để xác định tính quốc tế của hợp đồng mua bán hàng hóa có thể khác nhau nhưng pháp luật của các quốc gia đều thừa nhận vấn đề lựa chọn pháp luật áp dụng đối với hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế là một công việc bắt buộc nếu muốn hợp đồng đó thực hiện trên thực tế. Khi một hợp đồng mua bán hàng hóa có yếu tố nước ngoài được ký kết và thực hiện trên thực tế thì hàng loạt vấn đề phát sinh đòi hỏi các bên phải giải quyết. Ví dụ: hình thức của hợp đồng, chủ thể có thẩm quyền ký kết hợp đồng, điều kiện có hiệu lực của hợp đồng, ... Xuất phát từ yếu tố chủ quyền quốc gia, mỗi quốc gia đều ban hành hệ thống pháp luật để điều chỉnh các quan hệ xã hội và quy định của pháp luật các quốc gia khác nhau thì sẽ khác nhau trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội. Điều này xuất phát từ sự khác biệt về phong tục tập quán, trình độ phát triển kinh tế xã hội, chế độ chính trị, ... Đây chính là nguyên nhân dẫn đến hiện tượng cùng một vấn đề trong hợp

đồng mua bán hàng hóa có yếu tố nước ngoài nhưng cách giải quyết sẽ khác nhau dẫn đến kết quả cũng khác nhau khi áp dụng các hệ thống pháp luật của các quốc gia khác nhau. Những vấn đề cơ bản các bên có thể gặp phải và phải lựa chọn luật áp dụng để giải quyết khi tham gia hợp đồng mua bán quốc tế gồm:

- Hình thức của hợp đồng: Một hợp đồng mua bán hàng hóa có yếu tố nước ngoài phải đáp ứng được cả yêu cầu về nội dung và hình

thống pháp luật này xem đã phù hợp hay chưa.

Để giải quyết vấn đề này có nhiều nguyên tắc được đưa ra. Các nước Đông Âu, Bắc Âu, Tây Âu, một số nước châu Mỹ áp dụng nguyên tắc “Luật nơi ký kết hợp đồng”, theo đó, pháp luật được áp dụng để xác định hình thức của hợp đồng là pháp luật nơi hợp đồng được ký kết. Nguyên tắc này cũng được ghi nhận tại Điều 770 Bộ Luật dân sự năm 2005 của VN, theo đó: “Hình thức của hợp đồng

Tiến trình hội nhập đòi hỏi mỗi quốc gia phải hài hòa các vấn đề của quốc gia mình sao cho tương thích với những chuẩn mực chung đã được thừa nhận trên thế giới.

thức mà trước tiên là yêu cầu về hình thức. Pháp luật của hầu hết các nước đều có quy định về điều kiện hình thức của hợp đồng, theo đó, hợp đồng chỉ có giá trị pháp lý và được pháp luật thừa nhận sự tồn tại khi có hình thức phù hợp với yêu cầu của pháp luật. Tuy nhiên, pháp luật các nước lại quy định về hình thức của hợp đồng khác nhau. Điều này dẫn đến cùng một hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế nhưng ở nước này được xem là có hình thức phù hợp và được công nhận nhưng ở nước kia lại không được công nhận vì không đáp ứng được điều kiện về hình thức do pháp luật của quốc gia đó quy định. Vấn đề đặt ra không phải là xem hệ thống pháp luật nào hợp lý hơn hệ thống pháp luật nào mà phải lựa chọn được hệ thống pháp luật nào có mối liên hệ mật thiết nhất và có liên quan nhất để từ đó đối chiếu hình thức của hợp đồng với quy định của hệ

phải tuân theo pháp luật của nước nơi giao kết hợp đồng”.

- Nội dung của hợp đồng: Đây là thành phần quan trọng nhất của một hợp đồng nói chung và hợp đồng mua bán hàng hóa có yếu tố nước ngoài nói riêng. Một hợp đồng có nội dung càng chi tiết, cụ thể thì càng dễ thực hiện trên thực tế và khi phát sinh tranh chấp càng dễ giải quyết. Xuất phát từ nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng trong giao kết hợp đồng, pháp luật các nước đều quy định trong hệ thống pháp luật nước mình nguyên tắc xác định tính hợp pháp của nội dung hợp đồng là nguyên tắc tự thỏa thuận của các bên tham gia. Như vậy, đối với một hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, các bên tham gia đều có quyền thỏa thuận mọi vấn đề liên quan đến nội dung hợp đồng, trong đó quan trọng nhất là quyền và nghĩa vụ của các bên, biện pháp chế tài, thậm chí các bên còn có

quyền thỏa thuận chọn luật áp dụng để giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, trên thực tế khi một tranh chấp liên quan đến hợp đồng mua bán quốc tế phát sinh sẽ có trường hợp các bên không thỏa thuận luật áp dụng hoặc thỏa thuận chung chung, luật do các bên lựa chọn không được chấp nhận, ... Trong những trường hợp như vậy, việc lựa chọn một hệ thống pháp luật áp dụng để giải quyết quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng bắt buộc phải thực hiện nếu muốn giải quyết tranh chấp liên quan đến hợp đồng này.

Để giải quyết vấn đề này nhiều nguyên tắc được ghi nhận trong pháp luật các nước: Luật nơi thực hiện hợp đồng, theo nguyên tắc này luật áp dụng giải quyết quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng là pháp luật của nước nơi hợp đồng được ký kết; Luật nước người bán, theo nguyên tắc này luật áp dụng sẽ là luật của nước nơi người bán mang quốc tịch; Luật có mối liên hệ chặt chẽ nhất với hợp đồng; ... Theo Điều 769 Bộ Luật dân sự năm 2005 của VN, trong trường hợp các bên không thỏa thuận luật áp dụng hoặc sự thỏa thuận không được chấp nhận thì quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng được xác định theo pháp luật của nước nơi thực hiện hợp đồng, trừ trường hợp hợp đồng được giao kết có liên quan đến bất động sản tọa lạc tại VN thì phải áp dụng luật VN.

- Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng: Hợp đồng mua bán quốc tế có hiệu lực tức là có khả năng làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng. Tuy nhiên, những quyền và nghĩa vụ này chỉ có giá trị ràng buộc về mặt pháp lý và được pháp luật đảm

bảo thực hiện khi hợp đồng được xem là hợp pháp, tức đáp ứng được các điều kiện có hiệu lực do pháp luật đặt ra. Chính vì vậy, việc xác định các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng mua bán quốc tế sẽ quyết định toàn bộ kết quả thực hiện hợp đồng. Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế được quy định trong hệ thống pháp luật của các quốc gia và không phụ thuộc vào luật áp dụng cho nội dung của hợp đồng. Có hai vấn đề khi xem xét đến điều kiện có hiệu lực của một hợp đồng là: thời điểm nào một hợp đồng phát sinh hiệu lực và chủ thể tham gia ký kết hợp đồng phải đáp ứng những điều kiện gì thì có đủ năng lực ký kết hợp đồng. Pháp luật các nước có cách giải quyết khác nhau về hai vấn đề này:

Thứ nhất, để xác định thời điểm có hiệu lực của hợp đồng pháp luật các nước áp dụng nguyên tắc “Luật nơi ký kết hợp đồng”, theo đó, Luật của nước nơi ký kết hợp đồng sẽ được áp dụng để xác định thời điểm hợp đồng có hiệu lực.

Thứ hai, về năng lực của các bên tham gia ký kết hợp đồng, pháp luật các nước áp dụng nguyên tắc “Luật quốc tịch”, theo đó, luật của nước nơi chủ thể ký kết mang quốc tịch sẽ được áp dụng để xác định năng lực chủ thể của bên ký kết; nguyên tắc “Luật nơi cư trú”, theo đó bên ký kết cư trú ở đâu sẽ áp dụng luật của quốc gia đó để xác định năng lực ký kết hợp đồng.

Theo pháp luật VN, điều kiện có hiệu lực của hợp đồng được xác định theo pháp luật của nơi ký kết hợp đồng hay luật nơi thực hiện hợp đồng. Nếu hợp đồng mua bán quốc tế đó có liên quan đến bất động sản thì áp dụng luật của nước

nơi có bất động sản đó.

Phân tích ba vấn đề cơ bản của hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế chúng ta thấy việc chọn luật áp dụng để điều chỉnh các vấn đề có liên quan là hoạt động xuyên suốt quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng. Những vấn đề trên nếu không được giải quyết một cách triệt để thì hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế sẽ không thể thực hiện được trên thực tế hoặc nếu thực hiện thì khi phát sinh tranh chấp sẽ không thể giải quyết được. Chính vì vậy, việc lựa chọn hệ thống pháp luật để áp dụng cho hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế là một yêu cầu quan trọng đối với các bên khi tham gia vào hợp đồng này.

2. Một số vấn đề phát sinh từ thực tiễn và đề xuất góp phần nâng cao khả năng xác định luật

Những năm gần đây, cùng với việc ngày càng tham gia sâu hơn vào các hoạt động kinh tế quốc tế thì những yêu cầu về xác định luật áp dụng đối với hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế ở VN ngày càng trở nên cấp thiết khi mà vai trò của loại hợp đồng này ngày càng trở nên quan trọng và những vấn đề có liên quan cũng như tranh chấp liên quan đến loại hợp đồng này ngày càng nhiều và phức tạp. Nhiều vấn đề phát sinh trên thực tiễn đòi hỏi phải nghiên cứu một cách nghiêm túc để tìm giải pháp xử lý nhằm góp phần hoàn thiện pháp luật VN, thúc đẩy hoạt động mua bán quốc tế phát triển.

2.1 Xác định tính quốc tế của hợp đồng mua bán hàng hóa

Đây là một vấn đề có ý nghĩa về mặt lý luận nhưng lại liên quan mật thiết đến việc lựa chọn pháp luật áp dụng cho hợp đồng. Trong



xu thế phát triển ngày càng mạnh mẽ của hoạt động kinh tế quốc tế hiện nay, hoạt động thương mại quốc tế không còn bị giới hạn trong lĩnh vực mua bán hàng hóa mà còn được mở rộng sang lĩnh vực thương mại dịch vụ, sở hữu trí tuệ. Do đó, hợp đồng thương mại có yếu tố nước ngoài không còn giới hạn bởi các hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế mà còn nhiều loại hợp đồng khác như hợp đồng dịch vụ, hợp đồng chuyển nhượng các tài sản liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ, ... nhưng hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế vẫn là loại hợp đồng thương mại có yếu tố nước ngoài quan trọng nhất. Tuy nhiên, tại VN hiện nay, để xác định một hợp đồng mua bán có yếu tố nước ngoài hay không là một vấn đề phức tạp.

Hiện nay trong khoa học pháp lý VN, chưa có một cách thức thống nhất để xác định tính quốc tế của hợp đồng mua bán hàng hóa có yếu tố nước ngoài. Trên thế giới nhiều học giả đã cố gắng giải quyết vấn đề bằng cách đưa ra nhiều phương pháp khác nhau để xác định tính quốc tế của một hợp đồng. Ví dụ: Thuyết quốc tịch của chủ thể ký kết hợp đồng (điển hình là Anh, Mỹ), thuyết lãnh thổ của Công ước Viên 1980, ... Như đã trình bày ở phần trên, theo pháp luật VN, khi chủ thể tham gia hợp đồng mua bán hàng hóa có quốc tịch khác nhau thì đó là hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế. Tuy nhiên, trong thực tiễn ký kết và thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, việc xác định tính quốc tế theo dấu hiệu quốc tịch của chủ thể ký kết gặp rất nhiều khó khăn và trong một số trường hợp không thể xác định được. Cụ thể:

Pháp luật của nhiều quốc gia xác định quốc tịch của pháp nhân không giống nhau. Một số nước áp dụng “Thuyết nơi đăng ký” để xác định quốc tịch pháp nhân, theo đó, pháp nhân đăng ký ở quốc gia nào thì mang quốc tịch của quốc gia đó; Một số nước xác định quốc tịch pháp nhân theo “Thuyết nơi có trụ sở chính”, theo đó, pháp nhân đặt trụ sở chính ở nước nào sẽ mang quốc tịch của nước đó; Ngoài ra một số nước còn áp dụng “Thuyết nơi hoạt động”, theo đó, pháp nhân hoạt động chủ yếu ở nước nào sẽ mang quốc tịch của nước đó. Vấn đề sẽ phức tạp khi chủ thể của một nước có quan điểm xác định quốc tịch pháp nhân khác với VN ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa với pháp nhân VN. Có thể theo pháp luật nước đó hợp đồng này là hợp đồng có yếu tố nước ngoài nhưng theo pháp luật VN hợp đồng này là hợp đồng hoàn toàn VN và phải được áp dụng pháp luật VN để điều chỉnh.

Nếu xác định tính quốc tế của hợp đồng dựa trên dấu hiệu quốc tịch trong một số trường hợp sẽ không giải quyết được vấn đề. Ví dụ: Công ty A được đăng ký thành lập trên lãnh thổ của Pháp nhưng lại có trụ sở chính tại Anh (Pháp là nước theo “Thuyết nơi có trụ sở chính”, Anh là nước theo “Thuyết nơi đăng ký”). Như vậy, theo pháp luật của Pháp, Công ty A có quốc tịch của Anh, còn theo luật của Anh Công ty A có quốc tịch của Pháp. Vậy khi Công ty A ký kết hợp đồng bán hàng cho một công ty VN và các bên thỏa thuận luật áp dụng là luật của nước người bán thì sẽ áp dụng luật của Pháp hay luật của Anh?

Chính vì những lý do trên mà

trong thực tiễn thương mại quốc tế người ta không áp dụng nguyên tắc quốc tịch để xác định tính quốc tế của hợp đồng mua bán hàng hóa có yếu tố nước ngoài mà thường áp dụng nguyên tắc lãnh thổ. Theo nguyên tắc này, khi các bên ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa có trụ sở chính ở các lãnh thổ khác nhau thì đó là hợp đồng mua bán hàng hóa có tính quốc tế bởi vì lãnh thổ của quốc gia thì có ranh giới rất rõ ràng và mang tính chủ quyền tuyệt đối. Trên thực tế không thể có một vùng lãnh thổ vừa thuộc về chủ quyền của quốc gia này lại vừa thuộc về chủ quyền của quốc gia khác. Công ước Viên 1980 về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế cũng áp dụng nguyên tắc lãnh thổ khi xác định một hợp đồng mua bán hàng hóa có yếu tố quốc hay không. Đây là một vấn đề VN cần xem xét đưa vào pháp luật quốc gia khi điều chỉnh quan hệ hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

2.2 Xác định pháp luật áp dụng để điều chỉnh thẩm quyền đại diện của doanh nghiệp tham gia ký kết hợp đồng.

Chủ thể tham gia ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế tại VN thường là các doanh nghiệp. Và một điều đương nhiên, khi tham gia các giao dịch doanh nghiệp phải có người đại diện và phải thông qua người đại diện. Tuy nhiên, pháp luật các nước quy định về người đại diện của doanh nghiệp khác với pháp luật VN và vấn đề sẽ phức tạp khi doanh nghiệp của các nước đó ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa với doanh nghiệp VN. Thực tiễn pháp lý VN gần đây cho thấy những tranh chấp liên quan đến thẩm quyền đại diện của doanh nghiệp trong quan hệ mua bán

quốc tế xảy ra ngày càng nhiều và để giải quyết vấn đề cần phải trả lời cho được câu hỏi pháp luật nước nào sẽ áp dụng để xác định thẩm quyền đại diện. Để chứng minh, tác giả xin nêu ra một ví dụ:

Ngày 20/4/1993 Công ty Novus của Nga ký hợp đồng và hai phụ lục hợp đồng với Công ty Vinatex của VN. Theo nội dung các văn bản trên, Công ty Novus sẽ bán cho Công ty Vinatex một số lượng thép xây dựng. Đại diện phía Nga ký hợp đồng là ông Malitski – Tổng giám đốc Công ty Novus và đại diện phía VN là ông Bàng – đại diện thương mại Công ty Vinatex tại Nga. Thời gian sau hai bên phát sinh tranh chấp và chiều hướng bất lợi thuộc về phía công ty Nga. Vì vậy, trong quá trình giải quyết tranh chấp phía Nga cho rằng ông Bàng không có đủ thẩm quyền ký kết hợp đồng và phụ lục hợp đồng vì theo pháp luật của Nga chỉ có Tổng giám đốc mới có toàn quyền ký kết tất cả các văn bản, hợp đồng của công ty và phía Nga yêu cầu tòa án tuyên bố hợp đồng vô hiệu vì người ký kết không đủ thẩm quyền. Phía VN phản đối vì cho rằng ông Bàng là đại diện thương mại của Công ty Vinatex và được phân công phụ trách những vấn đề thương mại của công ty tại Nga, đây là một dạng ủy quyền thường xuyên, nên theo pháp luật VN ông Bàng hoàn toàn có đủ tư cách ký kết hợp đồng.

Để biết ông Bàng có thẩm quyền ký kết giao dịch trên hay không chúng ta phải xác định được pháp luật nước nào sẽ được áp dụng để giải quyết vấn đề thẩm quyền đại diện của doanh nghiệp. Ở đây có hai hệ thống pháp luật đều có thể được sử dụng: pháp luật Nga và

pháp luật VN. Kết quả của việc lựa chọn pháp luật này rất quan trọng vì nó quyết định toàn bộ quá trình giải quyết tranh chấp. Nếu pháp luật của Nga được áp dụng rõ ràng hợp đồng đã ký kết sẽ bị tuyên bố vô hiệu còn nếu pháp luật VN được lựa chọn hợp đồng được công nhận và tòa án sẽ tiếp tục giải quyết tranh chấp về nội dung hợp đồng. Tuy nhiên, dựa trên nguyên tắc nào để xác định luật của Nga hay luật của VN sẽ được áp dụng là câu hỏi không dễ trả lời.

Thực trạng pháp luật VN hiện nay chưa đưa ra một nguyên tắc thống nhất để chọn luật áp dụng. Để hiểu rõ vấn đề hơn, tác giả xin nêu ra một số nguyên tắc giải quyết trên thế giới đã được áp dụng:

- Giải pháp thứ nhất, áp dụng pháp luật của nước nơi ký kết hợp đồng. Theo giải pháp này, pháp luật được áp dụng để giải quyết tranh chấp về thẩm quyền ký kết hợp đồng là pháp luật của nước nơi hợp đồng được ký kết. Giải pháp này thuận lợi ở chỗ rất dễ dàng để xác định nơi hợp đồng được ký kết và như vậy dễ dàng xác định được luật áp dụng. Tuy nhiên, một số ý kiến cho rằng giải pháp này không hợp lý bởi vì trên thực tế có rất nhiều trường hợp hợp đồng ký kết ở một nước nhưng lại thực hiện hoàn toàn ở một nơi khác mà phần lớn các tranh chấp liên quan đến hợp đồng là tranh chấp về nội dung hợp đồng, tức kết quả của quá trình thực hiện hợp đồng. Nên nếu áp dụng luật nơi ký kết, mà nơi ký kết lại không liên quan gì đến kết quả thực hiện hợp đồng, để giải quyết tranh chấp là không có cơ sở.

- Giải pháp thứ hai, áp dụng pháp luật của nước nơi hợp đồng được thực hiện để xác định luật áp

dụng giải quyết tranh chấp về thẩm quyền. Giải pháp này do những người có quan điểm đối lập với giải pháp trên đề ra. Theo quan điểm của giải pháp này, các bên tham gia hợp đồng chủ yếu quan tâm đến nội dung của hợp đồng và kết quả thực hiện nội dung đó trên thực tế, còn hình thức của hợp đồng và những vấn đề khác không liên quan đến nội dung hợp đồng không có vai trò quyết định đối với kết quả thực hiện hợp đồng cũng như những lợi ích mà các bên có thể đạt được từ hợp đồng. Vì vậy, để giải quyết mọi vấn đề có liên quan đến hợp đồng, kể cả việc lựa chọn luật áp dụng phải xuất phát từ nội dung của hợp đồng.

Mỗi giải pháp đều có cơ sở lý luận riêng của mình. Tuy nhiên, xuất phát từ góc độ pháp lý chúng ta dễ dàng nhận thấy vấn đề thẩm quyền ký kết hợp đồng không liên quan đến nội dung hợp đồng mà thuộc về phạm vi chủ thể của hợp đồng. Do vậy, để giải quyết các tranh chấp liên quan đến vấn đề chủ thể không nên và cũng không thể áp dụng pháp luật nơi thực hiện hợp đồng bởi như đã trình bày ở trên, nơi thực hiện hợp đồng trên thực tế thường không liên quan gì đến nơi ký kết hợp đồng. Vì vậy, theo quan điểm tác giả, pháp luật VN nên ghi nhận nguyên tắc nơi ký kết hợp đồng là nguyên tắc xác định luật áp dụng giải quyết vấn đề thẩm quyền ký kết hợp đồng.

(Xem tiếp trang 48)